

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

VN-Index hôm nay tiếp tục giảm hơn 7 điểm và đóng cửa tại mốc 1,495.21 điểm. Độ rộng thị trường khá cân bằng với 9/18 ngành tăng điểm, trong đó ngành Truyền thông tăng mạnh nhất hơn 4%, theo sau là ngành Hàng cá nhân & gia dụng. Ở chiều ngược lại, ngành Hàng & dịch vụ công nghiệp giảm mạnh nhất. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này tiếp tục bán ròng mạnh hơn 2 nghìn tỷ đồng trên sàn HSX. Xu hướng giằng co quanh 1,500 chưa có dấu hiệu kết thúc.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL biến động ngược chiều với nhịp vận động của VN30, ngoại trừ VN30F2512.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch ngày 01/08/2025, các chứng quyền biến động theo xu hướng giằng co của cổ phiếu cơ sở.

ĐIỂM NHẤN

- VN-Index **-7.31** điểm, đóng cửa tại **1495.21** điểm. HNX-Index **-1.41** điểm, đóng cửa tại **264.93** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **FPT (+1.07)**, **PNJ (+0.50)**, **HDB (+0.46)**, **TAL (+0.45)**, **PGV (+0.38)**.
- Kéo chỉ số giảm: **CTG (-1.95)**, **VIC (-1.34)**, **BID (-1.05)**, **GEX (-0.75)**, **VNM (-0.58)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **36,589** tỷ đồng, giảm **-12.61%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 39,224 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 29.24 điểm. Thị trường có **141** mã tăng, 54 mã tham chiếu, **180** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-2304.83** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **SSI (-466.96 tỷ)**, **CTG (-386.16 tỷ)**, **FPT (-287.62 tỷ)**, **HPG (-282.00 tỷ)**, **VHM (-153.86 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-162.04** tỷ đồng.

DIỄN BIẾN BSC30, BSC50

- BSC30 **-0.25%**. Các mã diễn biến tích cực:
 - VCI (+3.25%)**
 - FPT (+2.88%)** [\(Link báo cáo\)](#)
 - HDB (+2.08%)** [\(Link báo cáo\)](#)
- BSC50 **-0.60%**. Các mã diễn biến tích cực:
 - PNJ (+6.99%)** [\(Link báo cáo\)](#)
 - PC1 (+6.95%)** [\(Link báo cáo\)](#)
 - HAH (+6.93%)** [\(Link báo cáo\)](#)

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	-0.25%	-0.60%	-0.49%	-0.07%
1 tuần	-2.23%	0.90%	-2.35%	-3.31%
1 tháng	5.24%	12.35%	7.99%	8.86%
3 tháng	22.95%	29.83%	21.93%	23.24%

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Tổng quan thị trường trong nước

	VNI	HNX	UPCOM
Điểm	1,495.21	264.93	106.46
% 1D	-0.49%	-0.53%	0.63%
GTKL (tỷ VND)	36,589	3,803	1,045
%1D	-12.61%	-8.47%	-33.71%
GDNN (tỷ VND)	-2304.83	-162.04	-21.59

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Chi tiết giao dịch khối ngoại

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
SHB	152.09	SSI	-466.96
NVL	85.44	CTG	-386.16
MSB	83.87	FPT	-287.62
HDB	77.83	HPG	-282.00
HAH	70.17	VHM	-153.86

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Thị trường thế giới

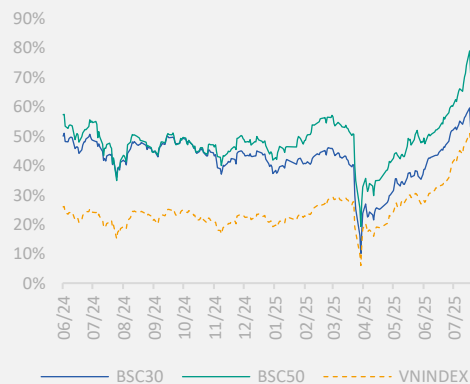
		%D	%W
SPX	6,339	-0.37%	-0.38%
FTSE100	9,074	-0.65%	-0.51%
Eurostoxx	5,234	-1.69%	-2.30%
Shanghai	3,560	-0.37%	-0.94%
Nikkei	40,837	-0.57%	-1.49%

Nguồn: Vietstock.vn, BSC tổng hợp

	Giá trị	%
Hàng hóa		
Giá dầu Brent	71.40	-0.53%
Giá vàng	3,291	-1.57%
Tỷ giá		
USD/VND	26,390	0.04%
EUR/VND	30,698	-0.18%
JPY/VND	178	-1.11%
Lãi suất		
LS TPCP 10Y	3.5%	0.01%
LS LNH 1M	4.7%	

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Hiệu suất BSC30, BSC50



Nguồn: BSC

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Thống kê thị trường	Trang 2
Danh mục BSC30	Trang 3
Danh mục BSC50	Trang 4
Báo cáo mới nhất	Trang 5
Khuyến cáo sử dụng	Trang 6



Mở tài khoản tại BSC

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
FPT	107.00	2.88%	1.07	1.48
PNJ	90.30	6.99%	0.50	0.34
HDB	27.00	2.08%	0.46	3.51
TAL	30.60	20.00%	0.45	0.31
PGV	20.65	6.99%	0.38	1.12

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
NVB	16.80	9.80%	1.29	1.17
KSF	69.20	8.13%	1.13	0.30
PVI	62.80	0.96%	0.09	0.23
VC3	28.10	3.31%	0.08	0.13
CSC	24.90	9.69%	0.07	0.04

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
PGV	20.65	6.99%	0.38	0.23
PNJ	90.30	6.99%	0.49	1.80
EVG	7.98	6.97%	0.03	1.85
GEG	17.65	6.97%	0.10	5.63
PAC	32.30	6.95%	0.04	0.96

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
ECI	14.50	9.85%	0.01	0.65
NVB	16.80	9.80%	7.18	6.65
TKU	14.70	9.70%	0.25	0.00
CSC	24.90	9.69%	0.37	0.39
TV3	15.10	9.42%	0.05	0.14

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
CTG	44.30	-3.49%	-1.95	5.37
VIC	104.00	-1.42%	-1.34	3.88
BID	37.20	-1.72%	-1.05	7.02
GEX	55.90	-6.37%	-0.75	0.90
VNM	60.00	-1.96%	-0.58	2.09

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
SHS	21.50	-6.52%	-0.84	0.89
MBS	35.20	-3.30%	-0.45	0.57
DTK	12.80	-5.19%	-0.30	0.68
CEO	23.30	-3.32%	-0.28	0.54
IDC	44.60	-1.98%	-0.20	0.33

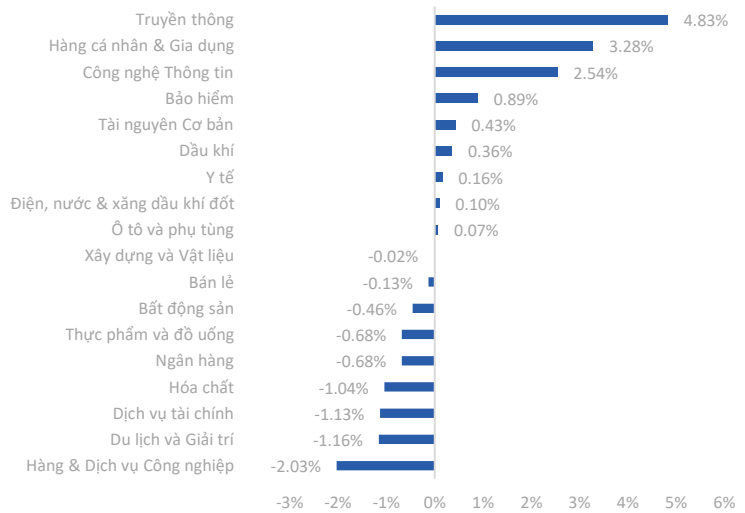
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
PNC	26.60	-6.99%	0.00	0.00
DLG	3.46	-6.99%	-0.02	11.03
FUCVREIT	7.61	-6.97%	0.00	0.01
CLW	48.95	-6.94%	-0.01	0.00
SFC	20.40	-6.85%	0.00	0.00

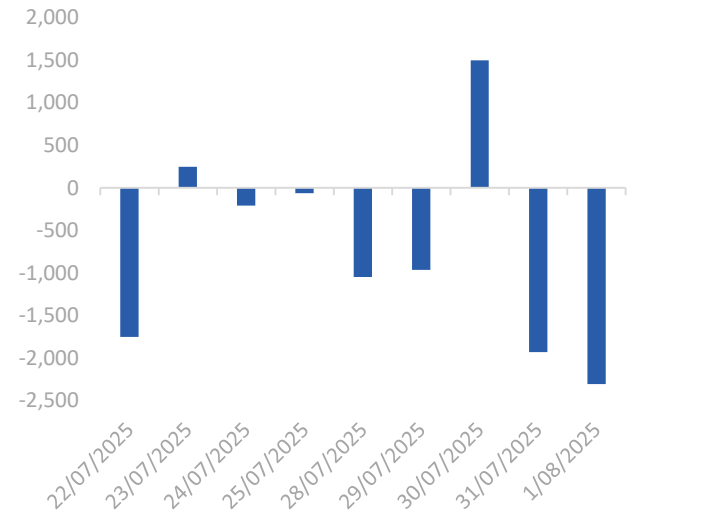
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
NHC	22.50	-8.91%	-0.02	0.00
SSM	5.30	-8.62%	-0.01	0.00
SJ1	11.00	-8.33%	-0.15	0.01
VE1	4.40	-8.33%	-0.01	0.03
SDA	3.40	-8.11%	-0.03	0.08

Hình 1
Diễn biến ngành cấp 2



Hình 2
Giao dịch khối ngoại



Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

DANH MỤC BSC30

Cổ phiếu	Ngành	Đóng cửa (1,000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	Giá mục tiêu (VNĐ)	NN sở hữu	Link tải báo cáo
MWG	Bán lẻ	65.2	-0.2%	1.5	96,543	687.5	3,304	19.8		48.7%	
KBC	Bất động sản	31.5	-0.5%	1.4	29,807	241.3	1,831	17.3		15.4%	
KDH	Bất động sản	27.7	1.1%	1.1	30,749	91.3	717	38.2		33.6%	
PDR	Bất động sản	20.2	-2.4%	1.5	18,780	345.1	191	108.3	23,600	9.8%	Link
VHM	Bất động sản	89.9	-0.1%	1.2	369,667	750.6	6,995	12.9	81,300	10.5%	Link
FPT	Công nghệ Thông tin	107.0	2.9%	1.0	177,165	1249.0	5,092	20.4	136,500	40.2%	Link
BSR	Dầu khí	20.7	1.5%	0.0	63,250	392.4	(16)	(1,274)		0.4%	
PVS	Dầu khí	34.5	0.6%	1.3	16,394	271.9	2,649	13.0	38,600	12.5%	Link
HCM	Dịch vụ tài chính	26.0	0.4%	1.5	27,971	431.6	1,164	22.3		38.4%	
SSI	Dịch vụ tài chính	33.2	-2.9%	1.4	67,438	1921.8	1,577	21.7		41.9%	
VCI	Dịch vụ tài chính	44.5	3.3%	1.3	31,108	1244.4	1,370	31.4		29.4%	
DCM	Hóa chất	35.8	-0.3%	1.3	18,979	194.2	3,221	11.1	37,800	5.1%	Link
DGC	Hóa chất	101.6	-1.3%	1.4	39,079	205.3	8,205	12.5	109,300	14.9%	Link
ACB	Ngân hàng	23.0	0.0%	0.9	118,143	274.9	3,305	7.0	30,400	30.0%	Link
BID	Ngân hàng	37.2	-1.7%	1.0	265,759	267.2	3,683	10.3	47,000	17.4%	Link
CTG	Ngân hàng	44.3	-3.5%	1.0	246,483	733.4	5,608	8.2	50,000	27.2%	Link
HDB	Ngân hàng	27.0	2.1%	1.0	92,444	627.1	4,094	6.5	26,400	17.4%	Link
MBB	Ngân hàng	27.2	-1.1%	1.0	167,507	598.7	4,021	6.8	28,200	23.2%	Link
MSB	Ngân hàng	13.5	-2.2%	1.1	35,880	395.3	1,961	7.0	14,000	28.3%	Link
STB	Ngân hàng	49.4	-1.1%	0.9	94,167	737.0	6,148	8.1		20.0%	
TCB	Ngân hàng	34.1	0.3%	1.1	240,205	794.5	3,019	11.3	39,800	22.5%	Link
TPB	Ngân hàng	15.7	0.0%	1.2	41,479	337.4	2,423	6.5	-	24.5%	Link
VCB	Ngân hàng	60.2	0.0%	0.7	503,012	297.0	4,148	14.5	69,200	22.0%	Link
VIB	Ngân hàng	19.0	-2.1%	0.9	66,038	597.3	2,219	8.7	23,000	5.0%	Link
VPB	Ngân hàng	25.8	0.0%	1.0	204,695	1439.6	2,193	11.8	26,500	25.6%	Link
HPG	Tài nguyên Cơ bản	25.2	0.8%	1.1	191,503	1283.6	1,750	14.3	35,800	21.9%	Link
HSG	Tài nguyên Cơ bản	18.5	-0.8%	1.3	11,581	143.9	751	24.8	16,800	9.8%	Link
DBC	Thực phẩm và đồ uống	34.2	1.8%	1.5	11,245	296.7	4,752	7.1	32,200	6.2%	Link
MSN	Thực phẩm và đồ uống	72.5	0.0%	1.2	104,280	471.8	1,862	38.9	82,500	25.4%	Link
VNM	Thực phẩm và đồ uống	60.0	-2.0%	0.5	127,905	322.4	4,101	14.9	64,500	49.1%	Link

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	NN sở hữu	ROE (%)	Link
DGW	Bán lẻ	43.4	2.00%	1.5	9,326	71.1	2,216	19.2	26.3%	16.2%	Link
FRT	Bán lẻ	154.5	-0.13%	1.1	26,346	133.0	3,163	48.9	33.3%	24.9%	Link
BVH	Bảo hiểm	50.0	1.52%	1.1	36,559	42.3	2,975	16.6	27.2%	10.6%	
DIG	Bất động sản	20.9	-4.14%	1.4	14,060	571.9	183	118.6	5.0%	1.5%	
DXG	Bất động sản	19.7	-0.51%	1.5	20,174	307.9	353	56.1	25.7%	2.8%	Link
HDC	Bất động sản	35.8	2.29%	1.2	6,234	298.0	482	72.6	5.2%	3.8%	
HDG	Bất động sản	26.1	-0.19%	1.4	9,675	129.8	522	50.1	17.5%	3.1%	Link
IDC	Bất động sản	44.6	-1.98%	1.3	15,015	93.0	4,574	10.0	18.8%	27.3%	
NLG	Bất động sản	40.2	-3.13%	1.4	15,981	145.1	1,709	24.3	48.5%	6.9%	Link
SIP	Bất động sản	64.8	-3.71%	1.2	16,294	47.1	5,315	12.7	4.0%	28.6%	
SZC	Bất động sản	36.6	-2.66%	1.2	6,767	59.5	1,978	19.0	2.5%	11.4%	Link
TCH	Bất động sản	23.0	-3.97%	1.5	16,004	188.7	1,125	21.3	12.1%	8.0%	Link
VIC	Bất động sản	104.0	-1.42%	1.4	403,396	419.6	3,580	29.5	6.9%	9.9%	
VRE	Bất động sản	28.5	1.25%	1.1	63,852	88.0	1,937	14.5	18.4%	10.4%	Link
CMG	Công nghệ Thông tin	40.0	-1.48%	1.1	8,579	38.6	1,701	23.9	36.6%	12.5%	Link
PLX	Dầu khí	35.8	-1.24%	0.9	46,059	109.7	1,596	22.7	16.7%	7.9%	Link
PVD	Dầu khí	21.3	0.71%	1.1	11,757	167.9	1,428	14.8	4.1%	5.0%	Link
FTS	Dịch vụ tài chính	40.9	-0.37%	1.6	14,206	170.3	1,348	30.4	27.4%	10.9%	
MBS	Dịch vụ tài chính	35.2	-3.30%	1.6	20,849	365.8	1,554	23.4	6.3%	12.1%	
GAS	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	67.6	-0.15%	0.9	158,599	60.3	5,152	13.1	1.8%	19.4%	Link
POW	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	14.3	-1.04%	1.0	33,723	193.6	624	23.1	3.4%	4.5%	Link
REE	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	65.5	-1.95%	1.0	36,183	117.1	4,418	15.1	49.0%	12.6%	Link
VJC	Du lịch và Giải trí	119.0	-1.82%	0.6	71,703	1058.1	3,427	35.4	7.9%	9.9%	
GEX	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	55.9	-6.37%	1.4	53,873	1022.4	1,745	34.2	7.9%	11.1%	Link
GMD	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	56.0	-0.36%	0.9	23,615	287.8	3,765	14.9	39.3%	12.0%	Link
HAH	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	80.2	6.93%	1.1	9,742	703.6	7,186	10.4	5.7%	30.7%	Link
PVT	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	18.3	1.39%	1.2	8,482	138.8	2,304	7.8	9.0%	13.9%	Link
VTP	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	109.0	-1.80%	0.0	13,518	250.2	3,235	34.3	5.4%	25.4%	
PNJ	Hàng cá nhân & Gia dụng	90.3	6.99%	1.0	28,519	157.3	6,129	13.8	49.0%	18.2%	Link
TCM	Hàng cá nhân & Gia dụng	32.5	-0.92%	0.8	3,669	68.8	2,693	12.2	50.0%	13.3%	
TNG	Hàng cá nhân & Gia dụng	20.8	-2.35%	1.3	2,611	22.3	2,844	7.5	17.0%	18.6%	Link
DPM	Hóa chất	41.5	1.10%	1.2	16,045	184.7	1,663	24.7	8.3%	5.8%	Link
GVR	Hóa chất	29.7	-1.33%	1.6	120,400	109.9	1,320	22.8	0.7%	9.8%	
EIB	Ngân hàng	26.2	-2.96%	1.1	50,293	334.4	1,783	15.1	5.3%	13.1%	Link
LPB	Ngân hàng	34.5	0.88%	0.5	102,165	108.3	3,324	10.3	0.9%	23.3%	Link
NAB	Ngân hàng	15.1	-0.33%	0.0	25,907	23.2	2,260	6.7	2.0%	19.6%	
OCB	Ngân hàng	12.7	-3.42%	1.0	32,425	142.7	1,220	10.8	19.9%	9.4%	Link
NKG	Tài nguyên Cơ bản	15.5	-4.02%	1.3	7,228	322.0	1,122	14.4	6.9%	3.6%	Link
ANV	Thực phẩm và đồ uống	22.9	-2.35%	1.5	6,244	61.2	1,871	12.5	2.5%	16.8%	
BAF	Thực phẩm và đồ uống	34.3	-0.72%	0.7	10,489	105.1	1,921	18.0	3.9%	15.0%	
SAB	Thực phẩm và đồ uống	48.0	0.63%	1.2	61,114	54.7	3,185	15.0	58.9%	17.5%	
VHC	Thực phẩm và đồ uống	55.7	-1.59%	1.3	12,704	49.3	5,567	10.2	19.6%		Link
BMP	Xây dựng và Vật liệu	140.7	0.00%	1.1	11,518	8.0	13,894	10.1	85.8%	39.8%	Link
CTD	Xây dựng và Vật liệu	82.0	1.23%	1.5	8,216	77.2	3,234	25.1	47.8%	5.1%	Link
CTR	Xây dựng và Vật liệu	90.0	-0.33%	1.3	10,329	107.4	4,928	18.3	8.8%	29.9%	Link
DPG	Xây dựng và Vật liệu	44.2	1.49%	1.3	4,390	124.0	2,501	17.4	4.4%	12.8%	
HHV	Xây dựng và Vật liệu	12.8	0.00%	1.4	6,367	171.9	1,077	11.9	10.1%	5.2%	Link
PC1	Xây dựng và Vật liệu	27.7	6.95%	1.2	9,263	534.2	1,179	22.0	14.8%	7.6%	Link
VCG	Xây dựng và Vật liệu	26.4	1.93%	1.4	16,744	599.2	1,241	20.9	9.8%	9.9%	
VGC	Xây dựng và Vật liệu	56.3	-5.22%	1.4	26,632	181.6	3,343	17.8	5.5%	17.5%	

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logistic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO ĐẶC BIỆT BSC ĐÃ PHÁT HÀNH GẦN ĐÂY

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link báo cáo
1	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 07/2025_ Thuế quan – Các thông tin mới nhất từ Hoa Kỳ	x		Click
2	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 06/2025_ Đòn bẩy nội lực - Chiến lược tăng trưởng trong thời kỳ mới	x		Click
3	BSC_ Báo cáo ngành Q2.2025: Kỷ nguyên vươn mình		x	Click
4	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 05/2025_ Phát triển kinh tế tư nhân, nội lực tăng trưởng mới	x		Click
5	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 04/2025_ Cập nhật diễn biến cuộc chiến thuế quan 2025	x		Click
6	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 03/2025_ Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
7	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 02/2025_ Thương chiến 2.0	x		Click
8	Triển vọng VMTT 2025_ Đổi mới 2.0 - Thách thức và Cơ hội	x		Click
9	BSC_ Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
10	BSC_ Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
11	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 12/2024	x		Click
12	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 11/2024	x		Click
13	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 10/2024	x		Click
14	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 9/2024	x		Click
15	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 8/2024	x		Click
16	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 6/2024	x		Click
17	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 5/2024	x		Click
18	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 4/2024	x		Click
19	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 3/2024	x		Click
20	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 2/2024	x		Click
21	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 1/2024	x		Click
22	BSC_ Báo cáo ngành Q4.2024		x	Click
23	BSC_ Báo cáo ngành Q3.2024		x	Click
24	BSC_ Báo cáo ngành Q2.2024		x	Click
25	BSC_ Báo cáo ngành Q1.2024		x	Click

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên BSC không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của BSC. Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của BSC.

© 2025 BIDV Securities Company, All rights reserved. Unauthorized access is prohibited.

Thông tin liên hệ - Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Trần Thăng Long
Giám đốc Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Vĩ mô – Thị trường
Longtt@bsc.com.vn

Bùi Nguyên Khoa
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Vĩ mô – Thị trường
Khoabn@bsc.com.vn

Phan Quốc Bửu
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Ngành – Doanh nghiệp
Buupq@bsc.com.vn

Nhóm vĩ mô thị trường

Vũ Việt Anh
Chuyên viên phân tích
Anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng
Chuyên viên phân tích
Tungtt1@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo
Chuyên viên phân tích
Thaopt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh
Chuyên viên phân tích
Anhng@bsc.com.vn

Lưu Diễm Ngọc
Chuyên viên phân tích
Ngocld@bsc.com.vn

BSC Trụ sở chính
Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: (024) 3935 2722
Fax: (024) 2220 0669

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh
Tầng 4 & 9 Tòa nhà President Place
Số 93 Đường Nguyễn Du, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM
Tel: (028) 3821 8885
Fax: (028) 3821 8879

Trung tâm Phân tích nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(024) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(024) 39264 659

Đối với Khách hàng cá nhân
i-center@bsc.com.vn
(024) 39264 660

Website: <http://www.bsc.com.vn>